

ANNEXES

**ANNEXE 1: DOCUMENTS PHOTOGRAPHIQUES: QUELQUES
ASPECTS DE LA VIE URBAINE**

**ANNEXE 2: VILLES ET HIÉRARCHIE URBAINE SELON
L'INSTITUT DE PLANIFICATION URBAINE ET
RURALE**

ANNEXE 3: QUELQUES DÉFINITIONS

ANNEXE 4: BIBLIOGRAPHIE

ANNEXE 5: LISTE DES CARTES ET DES FIGURES

ANNEXE 1: DOCUMENTS PHOTOGRAPHIQUES: QUELQUES ASPECTS DE LA VIE URBAINE



Ha Noi - ville: Quartier ancien.
Les maisons sont à la fois des résidences, des magasins ou des ateliers

**Un exemple du processus d'urbanisation:
Nghia Do - une petite ville de la périphérie de Ha Noi**



Les maisons de première génération: résidences collectives construites par l'État, sur l'espace agricole, pendant les années 80; les résidents travaillent essentiellement dans les sociétés étatiques



Les maisons en deuxième génération: maisons construites par les résidents, avec des magasins et des services.



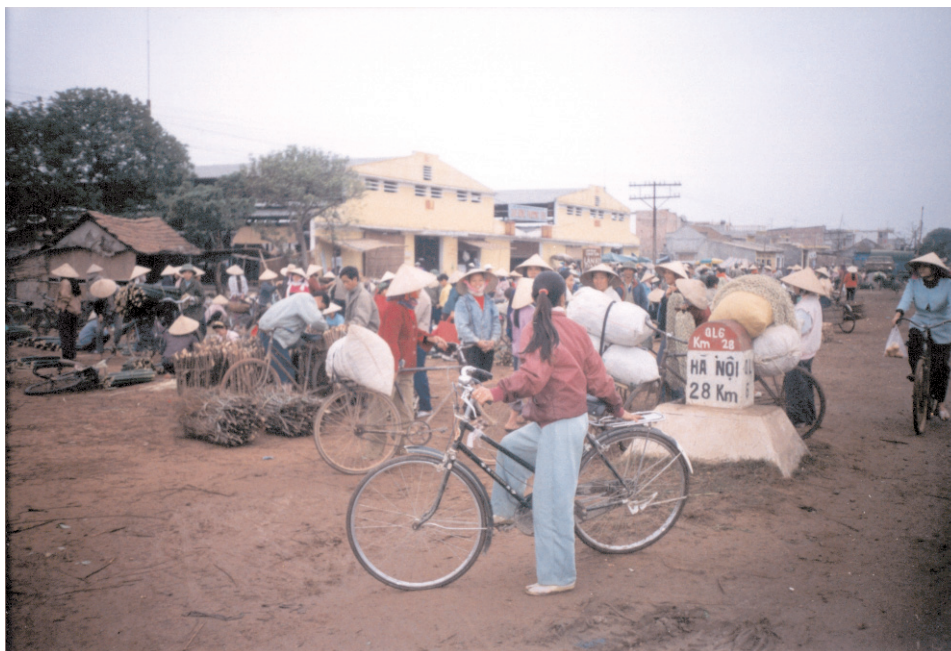
Les maisons de troisième génération: maisons qui viennent d'être construites (années 90), mais pas bien organisées; l'infrastructure n'a pas encore suivi l'accroissement de population.



Des bâtiments d'administration ou de services se trouvent toujours au centre-ville
Image: Une banque au centre-ville de Thai Nguyen



Muong Khen, 2500 habitants (dans la province de Hoa Binh)



Marché rural dans une commune de la province de Ha Tay



Un exemple sur la périphérie d'une «ville administrative»:
Un village dans la périphérie de la «ville administrative» de Can Tho.
C'est l'espace rural.



Photo: La ville de Dong Ha (dans la province de Quang Tri)
Quartier commercial très animé (photo au-dessous), contrairement au quartier administratif (photo au-dessus)





My Tho: un nœud de communication routière et fluviale



Une rue fluviale de My Tho



Can Tho - ville.
La plupart des villes du
delta du Mékong
s'appuient sur les bras du
fleuve



Le port de Can Tho se
situe sur le Mékong
Postérieur qui donne
l'accès à la mer



Delta du Mékong: Le
trafic fluvial est très
important ainsi que
l'échange de
marchandises est très
pratique sur les fleuves.

Photo: Marché flottant
près de Can Tho-ville.
Vendeur: paysan
Acheteur: commerçant



Exemple de forte circulation à Sai Gon-ville

ANNEXE 2: VILLES ET HIÉRARCHIE URBAINE SELON L'INSTITUT DE PLANIFICATION URBAINE ET RURALE

La liste des villes⁽¹⁾ classées par des urbanistes vietnamiens se fondant sur les critères du 2nd article de la définition promulguée par le Conseil des Ministres⁽²⁾:

Classe 1: Ho Chi Minh ville, Ha Noi⁽³⁾

Classe 2: Da Nang et Hai Phong

Classe 3: Can Tho, Nha Trang, Hue, Nam Dinh, Qui Nhon, Vung Tau, Long Xuyen, Da Lat, Bien Hoa, My Tho, Thai Nguyen, Vinh, Hong Gai (Ha Long), Phan Thiet, Cam Pha.

Classe 4: Buon Ma Thuot, Vinh Long, Soc Trang, Thanh Hoa, Ca Mau, Bac Lieu, Viet Tri, Phan Rang, Pleiku, Viet Tri, Hoa Binh, Rach Gia, Thai Binh, Yen Bai, Tuy Hoa, Cao Lanh, Hai Duong, Chau Doc, Sa Dec, Tan An, Bac Giang, Uong Bi, Tra Vinh, Tam Ky, Ben Tre, Thu Dau Mot, Ha Dong, Dong Ha, Quang Ngai, Son Tay, Tay Ninh, Bac Ninh, Kon Tum, Son La, Lang Son, Ninh Binh, Vinh Yen, Tuyen Quang, Bim Son, Kien An, Hoi An.

Classe 5: Cao Bang, Vinh An, Lai Chau, Tam Diep, Dong Hoi, Phu Tho, Do Son, Ha Nam, Hong Linh, Quang Tri, Go Cong, Ha Tinh, Sam Son, Ha Giang, Song Cong, Lao Cai, Hung Yen.

(1): Source: La population et l'urbanisation du Viêt-nam. Ministère de la Construction du Viêt-nam, l'Institut de planification urbaine et rurale. Ha Noi, 1992.

Ce sont les zones centrales des villes administratives, toutes les périphéries ne sont pas comprises. Les limites des villes ici coïncident avec celles des villes étudiées dans notre thèse, mais nous gardons les noms des villes d'après ce document.

(2): Les critères: la population, l'infrastructure, la densité de population et le taux de la population non agricole dans la population totale,

(3): C'est Sai Gon - ville et Ha Noi - ville dans notre thèse.

ANNEXE 3: QUELQUES DÉFINITIONS

1. Terminologie:

• **zone centrale, périphérie** d'une ville: Une ville administrative du Viêt-nam, se divise en deux zones: zone centrale d'une ville (*nội thành, nội thị* en vietnamien), la périphérie d'une ville (*ngoại thành, ngoại thị*):

- Zone centrale: c'est l'espace urbain, l'espace rural non compris. Cette zone ressemble à la ville telle que comprise par les concepts de plusieurs pays. Donc nous utilisons le mot espace urbain ou ville pour nommer la zone centrale

- La périphérie: c'est l'espace qui entoure la zone centrale. Elle est intégrée dans la ville en raison de l'aménagement du territoire au Viêt-nam. La périphérie comporte l'espace périurbain, l'espace rural, et même l'espace urbain de la périphérie de Ha Noi, Ho Chi Minh ville et Hai Phong.

Voir les figures de la page 13.

• **ville de rang national** (*Thành phố*): Elle dépend directement de l'État. Une ville administrative de rang national englobe la zone centrale, la périphérie comportant l'espace rural et l'espace périurbain et les petites villes.

• **ville de rang provincial** (*Thành phố* ou *Thị xã*): ville dépend directement du pouvoir provincial.

• **ville de district** (*Thị trấn*): ville dépend directement du pouvoir de district

• **ville**: unité urbaine à partir de 2000 habitants. Voir aussi le premier chapitre de la page 7 à la page 19.

• **ville administrative**: «Ville» selon la division administrative de l'État

2. Les noms de villes:

• Ha Noi - ville, Sai Gon-ville, Hai Phong - ville: Ce sont les zones centrales des Ha Noi, Ho Chi Minh ville, Hai Phong. Elles sont des villes au point de vue géographique; Ha Noi, Ho Chi Minh ville et Hai Phong sont équivalentes aux provinces.

• Thai Binh - ville (*Thị xã Thái Bình*), Thai Binh, etc: Thai Binh - ville est le nom de ville, Thai Binh est le nom de province. Plusieurs provinces ont aussi des villes du même nom qu'elles mêmes.

3. Les noms de régions:

• Le Nord, le Sud et le Centre: Ces mots veulent dire trois grands ensembles urbains du pays (Nord, Centre, Sud, voir la carte II.1c, page 22). Ils diffèrent des mots nord, sud, centre qui indiquent des positions relatives.

ANNEXE 4: BIBLIOGRAPHIE

Documents publiés au Viêt-nam:

Auteurs:

Đàm Trung Phường. Đô thị Việt Nam. Nhà Xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 1995.
(Đam Trung Phuong. Les villes du Viêt-nam. Éditions de Construction, Ha Noi, 1995).

Vũ Tự Lập (chủ biên), Đàm Trung Phường, Ngô Đức Thịnh, Tô Ngọc Thanh, Đinh Thị Hoàng Uyên (bản đồ). Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Hồng. Nhà xuất bản khoa học xã hội. Hà Nội, 1991.
(Vu Tu Lap (rédacteur en chef), Dam Trung Phuong, Ngo Duc Thinh, Dinh Thi Hoang Uyen (cartographie). La culture et la population du delta du Fleuve Rouge. Édition des sciences sociales. Ha Noi, 1991).

Organismes:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Niên Giám thống kê lao động thương binh và xã hội 1993. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
(Ministry of Labour - Invalids and Social affairs. Statistic yeabook of labour-invalids and social affairs 1993. National political publishing house, Ha Noi, 1994)

Bộ Xây dựng. Viện Quy hoạch đô thị nông thôn. Cẩm nang dân số - đô thị hóa Việt Nam. Hà Nội, 1992.
(Ministère de la Construction du Viêt-nam, L'institut de planification urbaine et rurale. La population et l'urbanisation du Viêt-nam. Ha Noi, 1992).

Bộ Xây dựng. Viện Quy hoạch đô thị nông thôn. Cẩm nang dân số - đô thị hóa Hà Nội. Hà Nội, 1992.
(Ministère de la Construction du Viêt-nam, L'institut de planification urbaine et rurale. La population et l'urbanisation de Ha Noi. Ha Noi, 1992).

Bưu điện Việt Nam. Danh bạ điện thoại Việt Nam 1994.
(Vietnam phonebook 1994)

Cục đo đạc và bản đồ nhà nước. Tập bản đồ Việt Nam, hành chính và hình thể. 1984.
(Département d'État de géodésie et de cartographie. Atlas administratif et morphologique du Viêt-nam. 1984).

- Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam. Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 1, A-Đ. Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 1995.
(Conseil d'État pour rédiger l'Encyclopédie du Viêt-nam. Encyclopédie du Viêt-nam, tome 1, A - D. Centre d'édition de l'Encyclopédie du Viêt-nam, Ha Noi, 1995)
- Tổng cục thống kê. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1993.
(General Statistique Office. Catalogue of the administrative divisions. Statistical publishing house, 1993)
- Tổng cục thống kê. Kinh tế và tài chính Việt Nam 1986 - 1990. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1991.
(General Statistique Office. Economy and finance of Vietnam 1986 - 1990. Statistical publishing house, 1990).
- Tổng cục thống kê. Kinh tế và tài chính Việt Nam 1986 - 1992. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1995.
(General Statistique Office. Economy and finance of Vietnam 1986 - 1992. Statistical publishing house, 1995).
- Tổng cục thống kê. Niên Giám thống kê 1989. Nhà xuất bản thống kê, 1991.
(Département Général des Statistiques. Annuaire statistique 1989. Édition Statistique, 1991).
- Tổng cục thống kê. Niên Giám thống kê 1992. Nhà xuất bản thống kê, 1993.
(General Statistique Office. Statistical yeabook 1992. Statistical publishing house, 1993)
- Tổng cục thống kê. Niên Giám thống kê 1993. Nhà xuất bản thống kê, 1994.
(General Statistique Office. Statistical yeabook 1993. Statistical publishing house, 1994)
- Tổng cục thống kê. Niên Giám thống kê 1994. Nhà xuất bản thống kê, 1995.
(General Statistique Office. Statistical yeabook 1994. Statistical publishing house, 1995).
- Tổng cục thống kê. Số liệu thống kê tình hình cơ bản và cơ sở hạ tầng nông thôn Việt Nam. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1995.
(General Statistique Office. Statistical data on basic situation and infrastructure or rural region in Vietnam. Statistical publishing house,

1995).

Tổng cục thống kê. Tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Số liệu thống kê Vụ thống kê tổng hợp và thông tin. Cục thống kê Hà Nội, Hà Nội, 1994.

(Département Général des Statistiques. Zone triangulaire de croissance économique Ha Noi - Hai Phong - Quang Ninh. Section de statistiques générales et d'informations. Département des statistiques de Ha Noi, Ha Noi, 1994).

Tổng điều tra dân số Việt Nam - 1989. Kết quả điều tra toàn diện. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương, Hà Nội, 1991.

(Vietnam population census - 1989. Completed census results. Central census steering committee, Ha Noi, 1991).

Tổng điều tra dân số 1 - 4 - 1989. Tập bản đồ dân số Việt Nam. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương, Hà Nội, 1991.

(Population census 1 april 1989. Atlas Vietnam population. Central census steering committee, Ha Noi, 1991)

Vụ Công nghiệp, Tổng cục thống kê. Số liệu công nghiệp Việt Nam 1989 - 1993. Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội, 1994.

(Industrial department, General statistical office. Industrial data 1989 - 1993. Statistical publishing house, 1994)

Autres:

Dân số Việt Nam 1 - 10 - 1979. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số trung ương, Hà Nội, 1983

(Population du Viêt-nam 1 - 10 - 1979. Comité d'État pour la censure démographique, Ha Noi, 1983)

Hà Nội, Niên giám thống kê 1991. Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội, 1992.

(Ha Noi, Annuaire statistique 1991. Département des statistiques de Ha Noi, Ha Noi, 1992).

Hà Nội, Niên giám thống kê 1993. Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà Nội, 1994.

(Ha Noi, Annuaire statistique 1993. Département des statistiques de Ha Noi, Ha Noi, 1994).

Hà Nội, Niên giám thống kê 1991 - 1995. Cục thống kê thành phố Hà Nội, Hà

Nội, 1995.

(Ha Noi, Annuaire statistique 1991 - 1995. Département des statistiques de Ha Noi, Ha Noi, 1995).

Niên giám thống kê thành phố Hồ Chí Minh 1993. Cục thống kê thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, 12/1993.

(Annuaire statistique de Ho Chi Minh ville 1993. Département des statistiques de Ho Chi Minh ville, Ho Chi Minh ville, 12/1993)

Niên giám thống kê thành phố Hồ Chí Minh 1995. Cục thống kê thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, 12/1995.

(Annuaire statistique de Ho Chi Minh ville 1995. Département des statistiques de Ho Chi Minh ville, Ho Chi Minh ville, 12/1995)

Documents publiés hors du Viêt-nam:

Auteurs:

Amor BELHEDI. L'organisation de l'espace en Tunisie. Production et reproduction de l'espace. Publications de la faculté des sciences humaines et sociales, 1992.

Roger BRUNET. La carte, mode d'emploi. Fayard/Reclus, 1987.

Roger BRUNET, Robert FERRAS, Hervé THÉRY. Les mots de la géographie. Dictionnaire critique. Troisième édition revue et augmentée. RECLUS - La Documentation Française, 1993.

Joël CHARRE. Statistique et territoire. RECLUS, Montpellier, 1995.

Félix DAMETTE. La France en villes. Université de Paris 1 - Sorbonne - CNRS - Laboratoire Strates - UA 142, Groupe Huit. 1994.

T. LANGLET-QUACH. Le phénomène urbain dans le Viêt-nam traditionnel, dans cahier des amis de l'Orient, Musée Guimet, Paris, hiver 1993-94, pp 419-442.

T. LANGLET-QUACH. Le phénomène urbain dans le Viêt-nam contemporain, dans cahier des amis de l'Orient, Musée Guimet, Paris, hiver 1993-94, pp 4-8.

Ch PÉDELAHORE. Villes vietnamiennes: Élément constitutif de la ville d'Hanoi. Grase, Paris, 1983, 141 p.

Philippe PINCHEMEL. La France. Milieux naturels, population, politiques.
Tome 1 et 2. Armand Colin, Paris 1980, 1981.

Denise PUMAIN et Thérèse SAINT-JULIEN. Atlas des villes de France. Reclus
- La documentation Française, 1989.

Lena SANDERS. L'analyse des données appliquée à la géographie. GIP
RECLUS, Montpellier, 1989.

Christian TAILLARD (avec la collaboration de P. Brocheux). Le Viêt-nam,
émergence d'un nouveau dragon, dans livre *Asie du Sud-Est* du volume
Asie du Sud-Est, Océanie de la Géographie Universelle, Berlin-Paris 1995,
pp 188-213.

Christine VOIRON. Analyse spatiale et analyse d'image par la morphologie
mathématique. Reclus, Montpellier, 1995.

VU TU LAP, Christian TAILLARD. Atlas du Viêt-nam. RECLUS - La
Documentation Française, 1994.

Organismes:

Actions thématiques programmées. A.T.P.N°10. Sciences humaines. Espaces et
région en Europe occidentale (Structures et dimensions de régions en
Europe occidentale). Sous la direction de MM. Étienne JULLARD et Henri
NONN, responsables de l'E.R.A. 214 du CNRS. Professeurs à l'Université
L.Pasteur, Strasbourg. Éditions du Centre national de la recherche
scientifique, Paris, 1976.

Atlas de France, dirigé par Roger BRUNET et Franck AURIAC. Volume 12:
L'espace des villes, coordonné par Denise PUMAIN et Thérèse SAINT-
JULIEN. Montpellier - Paris: GIP RECLUS - La Documentation
Française, 1995.

Britannica. Book of the year. 1994. Encyclopædia Britannica, Inc. Chicago.

L'État du Monde. Annuaire économique et géopolitique mondiale. Édition La
Découverte, Paris, 1995.

Réseaux et territoires. Groupe d'Études et de Mobilisation. RECLUS,
Montpellier, 1993.

ANNEXE 5: LISTE DES CARTES ET FIGURES

Chapitre I: L'urbain et la ville au Viêt-nam

Division administrative.

Unités urbaines étudiées du point de vue géographique.....	13
53 provinces du Viêt-nam.....	17
Noms des villes de plus de 2 000 habitants	
(les villes des provinces de Ha Giang à Thua Thien - Hue)	18
Noms des villes de plus de 2 000 habitants	
(les villes des provinces de Quang Binh à Minh Hai)	19

Chapitre II: villes et structuration de l'espace

Semis des villes du Viêt-nam	21
Trois grands ensembles des villes	21
Semis des villes sur le fond de 53 provinces.	
Délimitation hypothétique	
sur les ensembles territoriaux des villes	22
Graphique représentant les tailles des villes	25
Part de chaque groupe de taille dans le total	25
Hierarchie urbaine du Viêt-nam	27
Villes de plus de 10 000 habitants	28
Villes de 2 000 - 10 000 habitants	28
Localisation des villes de plus de 10 000 habitants	
dans les milieux naturels	31
Densité de population en 1989	35
Évolution démographique entre 1979 et 1989	37
Voies de communications majeures	39
Densité des routes asphaltées	40
Densité des routes non asphaltées	40
Route et nœuds. Voies fluviales, voies maritimes et ports	42
Circulation routière	43
Les flux de marchandises transportées	
par voie fluviale et cabotage	
dans la Région Urbaine du Nord.....	44
Les flux de marchandises transportées par voie fluviale	
dans la Région Urbaine du Sud.....	44
Poids de marchandises transportées par route en 1992	
(par provinces)	45
Poids de marchandises transportées par voies fluviales en 1992	
(par provinces)	45
Poids de marchandises transportées par voies maritimes en 1992	
(par provinces)	45
Trafic de passagers par route en 1992 (par provinces).....	45

Trafic de passagers par voies d'eau (voies fluviales et maritimes) en 1992 (par provinces)	45
Population urbaine en 1993	47
Relation entre population urbaine et densité de population totale .	47
Structure des réseaux urbains provinciaux	49
Actifs par secteurs économiques en 1989.	
Actifs secondaires. Actifs tertiaires	51
Actifs industriels. Actifs commerciaux	52
Synthèse socio-économique du territoire	54

Chapitre III: Les villes principales et leur rôle dans l'organisation de l'espace

Villes principales: Hiérarchie administrative	59
Types d'évolutions démographiques des villes principales	61
Soldes démographiques des villes principales entre 1979 et 1989	62
Soldes démographiques des villes principales entre 1989 et 1992	62
Superposition des distributions et des droites d'ajustement pour les deux échelles:	
Toutes les villes de plus de 10 000 habitants et 74 villes principales	64
Variation du rang-taille des 74 villes principales 1979 - 1989 - 1993	65
Villes universitaires	67
Hôpitaux des villes	69
Postes des villes	71
Téléphones des villes	72
Hôtels des villes	74
Banques des villes	76
Nombre d'agences bancaires pour 1 000 habitants dans les villes	77
Commerces des villes	79
Nombre d'usines des villes	83
Valeur de la production industrielle par provinces	84
Agro-industries des villes	86
L'industrie de matériaux de construction des villes	88
L'industrie mécanique des villes	90
La fabrication de moyens de transport des villes	91
Représentation des villes et des indicateurs sur le plan factoriel comportant l'axe 1 et l'axe 2	95
Représentation des villes et des indicateurs sur le plan factoriel comportant l'axe 2 et l'axe 3	97
Représentation des villes et des indicateurs sur le plan factoriel comportant l'axe 2 et l'axe 4	98
Classification des villes principales d'après les équipements et l'économie	99

Hierarchie urbaine des villes principales d'après la population.....	100
Différences entre classement de population et classement d'équipements et d'activité économique	101
Chapitre IV: Structures et dynamiques spatiales des deux métropoles, Ha Noi et Ho Chi Minh ville	
Ha Noi	108
Ha Noi: Population.....	109
Ha Noi: L'évolution de la population.....	112
Solde de population de Ha Noi-ville et de population urbaine par district entre 1979 - 1992.....	113
Les villes en 1992.....	113
Ha Noi: Solde migratoire pendant 4 ans (1990 - 1993)	114
Les stades de l'évolution de Ha Noi.....	115
Ha Noi: Industrie	116
Ha Noi: Population agricole	117
Ho Chi Minh ville	120
Ho Chi Minh ville: Population en 1993	121
Ho Chi Minh ville: L'évolution de la population	124
Ho Chi Minh ville: Solde migratoire pendant 3 ans (de 1991 à 1993)	125
Les villes de Ho Chi Minh ville	126
Ho Chi Minh ville: Industrie	127
Ho Chi Minh ville: Population agricole	128
40 provinces du Viêt-nam (découpage administratif entre 1976 - 1989).....	130
Arrivée à Ha Noi	132
Arrivée à Ho Chi Minh ville	132
Départ de Ha Noi.....	133
Départ de Ho Chi Minh ville.....	133
Flux cumulatifs entre Ha Noi et les provinces (immigration + émigration)	134
Flux cumulatifs entre Ho Chi Minh ville et les provinces (immigration + émigration)	134
Soldes nets migratoires de Ha Noi (immigration - émigration)	135
Soldes nets migratoires de Ho Chi Minh ville (immigration - émigration)	135
Résidus entre les immigrants attirés par Ha Noi et ceux estimés d'après la population et la distance	138
Résidus entre émigrants sortis de Ha Noi arrivant aux provinces et ceux estimés d'après la population et la distance	139
Résidus entre les immigrants attirés par Ho Chi Minh ville et ceux estimés d'après la population et la distance	141

Résidus entre émigrants sortis de Ho Chi Minh ville	
arrivant aux provinces et	
ceux estimés d'après la population et la distance	142
Attractions des Métropoles.....	145
Émissions des Métropoles.....	146
Chapitre V: Réseaux urbains régionaux et organisation de l'espace	
Ensembles territoriaux de villes	149
Loi de rang-taille des villes du Nord.....	150
Résidus entre les tailles réelles et	
les tailles théoriques des villes du Nord	
d'après la loi de rang-taille	150
Loi de rang-taille des villes du Sud.....	151
Résidus entre les tailles réelles et	
les tailles théoriques des villes du Sud	
d'après la loi de rang-taille	151
Loi de rang-taille des villes du Centre	152
Résidus entre les tailles réelles et	
les tailles théoriques des villes du Centre	
d'après la loi de rang-taille	152
Densité de population du Nord.....	154
Villes dans les aires de forte densité du Nord	155
Variation de densité de la zone de forte densité du Nord	
entre 1979 et 1993.....	156
Densité de population du Sud.....	157
Villes dans les aires de forte densité du Sud	158
Variation de densité de la zone de forte densité du Sud	
entre 1979 et 1993.....	159
Densité de population du Centre	160
Variation de densité du Centre entre 1979 et 1993.....	161
Le Nord: Différenciation territoriale du système urbaine.	
Nœuds et liaisons.	
Axes	163
Le Nord: Type de réseaux urbains.....	164
Modèle général du Nord: villes et organisation de l'espace	165
Deux provinces du Nord: Hai Hung et Thai Binh.	
Population urbaine. Villes et réseaux de transport.	
Un exemple de disposition d'une petite ville	
de la province de Hai Hung	166
Le Sud: Différenciation territoriale du système urbaine.	
Nœuds et liaisons.	
Axes	168
Le Sud: Types de réseaux urbains	169

Modèle général du Sud: villes et organisation de l'espace	170
Trois provinces: An Giang, Can Tho, Kien Giang.	
Position, villes et voies de communication.....	172
Images socio-économiques des trois provinces	
An Giang, Can Tho et Kien Giang	173
Le Centre: Villes et les liaisons. Les axes. Les groupes.....	175
Le Centre: Types de réseaux urbains.....	176
Modèle général du Centre: villes et organisation de l'espace	177
Disposition des villes dans la province de Khanh Hoa	181
Images socio-économiques de la province de Khanh Hoa en 1994	182
Khanh Hoa et Dac Lac: Réseaux urbains provinciaux.	
Relations avec les autres villes	183